

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **269** /BC-UBND

Hoà Bình, ngày **30** tháng **10** năm **2015**

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: **013511**
Ngày: **05/11/2015**

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu
giai đoạn 2010-2015**

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: **2553**
Ngày: **6** tháng **11** năm **2015**

Căn cứ Công văn số 3475/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình báo cáo như sau:

I. Tổ chức thực hiện chương trình

Thực hiện Quyết định số 158/2008/QĐ-TTG ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã ban hành Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; Với tổng số lượng thành viên của Ban Chỉ đạo gồm 14 người. Trong đó Trưởng Ban chỉ đạo là đồng chí Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo ban hành Quyết định số 33/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 12 năm 2012 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình.

II. Kết quả thực hiện chương trình

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ, dự án

Sau khi có Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện, cụ thể trong giai đoạn 2010 – 2015, tỉnh Hòa Bình đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức lễ mít tinh hưởng ứng tuần lễ quốc gia về nước sạch, vệ sinh môi trường và kỷ niệm ngày Môi trường thế giới 05/6; thực hiện các phóng sự về công tác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, trồng và bảo vệ rừng, khai thác chế biến khoáng sản; Tổ chức các lớp tập huấn về Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Năm 2012, phối hợp với trường Đại

học Quốc gia Hà Nội tổ chức hội thảo chuyên đề về Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu nhằm nâng cao nhận thức về Đa dạng sinh học và ứng phó với những thách thức của Biến đổi khí hậu, cải thiện môi trường sống và hướng tới phát triển bền vững.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình tại Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2012. Qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đã xác định rõ được khung chương trình triển khai thực hiện việc ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. Từ đó, từng bước triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án về ứng phó Biến đổi khí hậu theo đúng hướng dẫn của các Bộ, Ngành trung ương.

- Tỉnh Hòa Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án “Trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán, bảo vệ dân cư các xã huyện Lạc Sơn” với tổng mức đầu tư 377 tỷ đồng, trong đó: 320 tỷ đồng vốn thuộc chương trình SP-RCC, 57 tỷ đồng vốn đối ứng địa phương) tại Công văn số 1443/TTg-QHQT ngày 19 tháng 9 năm 2012.

Tuy nhiên, năm 2015 tỉnh Hòa Bình mới được Trung ương phân bổ 48 tỷ đồng để triển khai thực hiện được. Đề nghị Chính phủ tiếp tục phân bổ kinh phí cho các năm tiếp theo để hoàn thành dự án, đem lại hiệu quả cao cho công tác phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán, bảo vệ dân cư huyện Lạc Sơn.

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Cơ quan thực hiện chương trình

2.1. Về việc ban hành các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu

- Năm 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đã xây dựng Kế hoạch 5 năm (2011 – 2015) và năm 2011 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 994/UBND-ĐĐ ngày 13 tháng 7 năm 2010.

- Công văn số 328/UBND-ĐĐ ngày 23 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc xây dựng Danh mục các dự án ứng phó biến đổi khí hậu vận động tài trợ quốc tế trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 2147/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình.

- Quyết định số 33/QĐ-BCĐ ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình.

- Tỉnh ủy Hòa Bình ban hành Kế hoạch số 72-KH/TU ngày 06 tháng 11 năm 2013 về việc thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

- Công văn số 1531/UBND-NNTN ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Kế hoạch của Tỉnh Ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”.

- Công văn số 841/STNMT-KHTC ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc Đề xuất các dự án cấp bách theo Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020.

2.2. Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

2.2.1. Tài nguyên và môi trường

a) Tài nguyên nước

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng môi trường vùng lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy tỉnh Hòa Bình; Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường lưu vực giai đoạn 2015 - 2020.

- Tái cơ cấu, tu bổ, nâng cấp hệ thống thủy lợi.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên quy mô lưu vực. Quản lý tổng hợp nguồn nước theo đúng quy chế đáp ứng nhu cầu của các bên: sản xuất, tưới tiêu, thủy sản.

- Nâng cấp, mở rộng diện tích, xây dựng mới các hồ chứa nước; bảo đảm cung cấp thông tin dự báo chế độ thủy văn và dòng chảy phục vụ vận hành an toàn các hồ chứa.

- Nâng cao nhận thức cộng đồng về tác động của BĐKH, sử dụng an toàn hợp lý nước mặt và nước ngầm.

- Thực hiện việc sử dụng nguồn nước tiết kiệm và hợp lý.

- Thăm dò, đánh giá trữ lượng và có kế hoạch khai thác nguồn nước ngầm để bổ sung cho tài nguyên nước.

- Lập quy hoạch có liên quan đến phát triển bền vững tài nguyên nước trên cơ sở gắn kết với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trước hết, ưu tiên rà soát, xây dựng các hồ thủy lợi, thủy điện; hệ thống đê điều... có tính đến BĐKH.

b. Tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học

- Triển khai các nhiệm vụ, dự án đã đề ra trong Kế hoạch hành động Đa dạng sinh học tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt tại Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2012.

- Tham gia thiết lập và bảo vệ các khu bảo tồn sinh cảnh và đa dạng sinh học của tỉnh.

- Thực hiện chiến lược quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt rừng phòng hộ, ưu tiên trồng cây bản địa, chịu được thời tiết khắc nghiệt.

- Có kế hoạch và biện pháp triệt để ngăn chặn và tiêu diệt những sinh vật ngoại lai có hại (như cây mai dương, ốc bươu vàng).

- Đánh giá hiện trạng hệ sinh thái, đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động xấu do biến đổi khí hậu, nhằm hạn chế tối đa các tác động phá vỡ hệ sinh thái.

- Xây dựng hành lang pháp lý đủ mạnh để bảo vệ tài nguyên rừng nghiêm ngặt và gắn với giải quyết việc làm cho dân vùng rừng, tạo sinh kế, hướng đến phát triển bền vững.

2.2.2. Nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp:

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tác nghiệp đồng ruộng ngắn hạn.

- Nghiên cứu và ứng dụng các biện pháp tác nghiệp đồng ruộng dài hạn.

- Áp dụng công nghệ canh tác phù hợp với hoàn cảnh BĐKH. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý và quy hoạch liên quan đến BĐKH:

- Nâng cao khả năng giảm thiểu tác động của BĐKH tới khả năng cung cấp nước cho trồng trọt.

- Các biện pháp khác:

+ Nghiên cứu, xây dựng, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp (trong đó có trồng trọt và chăn nuôi) nhằm giảm thiểu và thích ứng với sự BĐKH.

+ Nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về BĐKH và thích nghi với BĐKH cho nông dân.

+ Bảo tồn và giữ gìn các giống loài đặc hữu ở địa phương.

+ Phát triển và nâng cấp mô hình sản xuất vườn, ao, chuồng (VAC).

+ Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho nông dân trong mùa mưa lũ, nông nhàn.

+ Tăng cường truyền thông và nâng cao năng lực quản lý môi trường, nâng cao nhận thức của người dân về ứng phó với BĐKH.

+ Đào tạo nguồn nhân lực, phát triển khoa học công nghệ của tỉnh trong phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, ứng phó và giảm nhẹ tác động tiêu cực do BĐKH trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trên địa bàn tỉnh trước mắt và trong tương lai.

b. Lâm nghiệp:

- Tăng cường trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc.
- Bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng tự nhiên.
- Xây dựng và phát triển chương trình quản lý và phòng chống cháy rừng có hiệu quả.
- Nâng cao hiệu suất sử dụng gỗ và kiểm chế sử dụng nguyên liệu gỗ tự nhiên.

c. Thủy sản:

- Rà soát, chỉnh sửa quy hoạch, kế hoạch nuôi trồng thủy sản tại các vùng sinh thái khác nhau, có tính đến tác động của BĐKH với thủy sản và tài nguyên sinh vật.
- Nuôi thả các loài chịu được biến đổi môi trường (thích nghi với nhiệt độ tăng, tầng độ sâu của ao hồ để tạo nhiệt độ thích hợp và giảm tổn hại do quá trình tăng nhiệt độ và bốc hơi nhanh của mặt nước).
- Tăng cường năng lực quản lý thủy sản, bao gồm hệ thống ao hồ, thuyền ... trong bối cảnh BĐKH và phòng chống thiên tai.
- Nâng cấp, xây dựng mới các khu dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến thủy sản. Xây dựng Quỹ bảo hiểm thủy sản để phòng rủi ro bất ngờ do thiên tai và BĐKH.
- Phát triển nuôi cá nước ngọt trong các đập, hồ, ao theo mô hình nông - lâm - ngư kết hợp.

2.2.3. Công nghiệp, năng lượng:

- Rà soát lại quy hoạch các khu công nghiệp, vùng sản xuất công nghiệp trên địa bàn trong bối cảnh BĐKH.
- Đánh giá tác động của BĐKH tới sức khỏe, điều kiện làm việc của công nhân;
- Cải tạo hệ thống công trình, nhà xưởng, nâng cao hiệu suất sử dụng máy móc nhằm giảm tối đa chi phí làm mát.
- Rà soát lại quy hoạch các vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp trong bối cảnh BĐKH đảm bảo việc cung cấp nguyên liệu cho sản xuất, đặc biệt là công nghiệp chế biến.
- Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Nâng cao hiệu suất năng lượng trong các khâu khai thác, sản xuất, phân phối, chuyển tải và sử dụng năng lượng.
- Đánh giá tình hình lưới điện ở trong tỉnh, phát hiện những bất hợp lý trong thiết kế lưới điện và tình trạng cũ nát cần được thay thế trong đường dây và các phương tiện truyền tải điện tại một số khu vực hoặc địa phương. Vận động người

dân sử dụng các năng lượng thay thế, tập trung năng lượng ưu tiên cho sản xuất công nghiệp.

+ Quản lý nhu cầu năng lượng trên nguyên tắc bảo đảm hiệu suất năng lượng cao, tiêu thụ điện hợp lý, giữ vững an ninh năng lượng.

2.2.4. Giao thông vận tải và cơ sở hạ tầng:

- Lồng ghép vấn đề BDKH vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, giao thông vận tải của tỉnh.

- Đánh giá tác động của BDKH tới công tác thi công thiết kế, quy hoạch hệ thống giao thông hiện tại và trong tương lai.

- Nâng cao nền móng và cải tạo các công trình của ngành, giao thông vận tải tại các vùng có nguy cơ bị thiên tai đe dọa.

- Kiên cố hoá các công trình giao thông vận tải, vùng có nguy cơ thường xuyên bị ngập lụt, gia cố mái ta-luy các công trình đường bộ... ở các vùng núi, đồi dốc. Xây dựng các cầu thay thế các ngầm, tràn để đảm bảo giao thông trong mọi tình huống

- Xây dựng, cải tạo và kiên cố hóa hạ tầng giao thông trong khu vực bị ngập lụt đe dọa; điều tra kỹ hơn về thủy văn, đặc biệt lưu ý mực nước qua các trận lũ trong khu vực khi xây dựng các công trình giao thông; thường xuyên duy trì và bảo trì đường sá.

- Xác định các vùng, các địa phương và khu vực đất dốc có nguy cơ bị lũ quét ở khu vực đồi núi; Cảnh báo sớm di tản kịp thời khỏi vùng nguy hiểm.

- Thực hiện nghiêm ngặt quy chế vận tải thủy, cảnh báo cho tàu thuyền trong mùa lũ lẫn mùa cạn.

- Phát triển các phương tiện giao thông công cộng để giảm thiểu phương tiện giao thông cá nhân nhằm giảm lượng khí thải; tham mưu các cơ quan có thẩm quyền thu hồi các loại phương tiện giao thông cũ, nát có lượng khí thải không đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Mở rộng khẩu độ các công trình cầu, cống, hạn chế đắp cao nếu không cần thiết để tránh ngập úng; Trong vùng ngập lũ đắp cao nền đường kết hợp làm các cầu cạn vượt lũ để cứu hộ nhân dân khi có lũ và đưa ra các biện pháp kỹ thuật chống xói lở cho công trình.

- Ưu tiên sử dụng các loại vật liệu có khả năng chống chịu tốt với những tác động của BDKH, như mặt đường bê tông xi măng chịu tác động tốt của nắng nóng và lũ lụt.

- Tăng cường công tác quy hoạch dân cư và nhà cửa có tính đến ảnh hưởng của thiên tai tại các vùng nhạy cảm như vùng đồi núi có độ dốc lớn, vùng ven sông suối thấp.

- Nâng cấp và xây mới hệ thống thoát nước ở các cụm, khu dân cư, đặc biệt ở các đô thị dễ bị ngập lụt.

2.2.5. Y tế, sức khỏe cộng đồng:

- Xây dựng hệ thống cảnh báo tình hình dịch bệnh trong bối cảnh BĐKH. Xây dựng và triển khai các hoạt động cấp cứu ứng phó với các thảm họa, thiên tai (tai nạn, chấn thương, dịch bệnh...).

- Xây dựng và lựa chọn các mô hình cung cấp dịch vụ y tế đáp ứng với thiên tai, thảm họa do BĐKH gây nên.

- Xây dựng và triển khai các mô hình chăm sóc sức khỏe cộng đồng: nước sạch và vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân, chăm sóc sức khỏe ban đầu, thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng bị ảnh hưởng. Tổ chức các cuộc diễn tập của ngành Y tế ứng phó với các tác động của BĐKH.

- Xây dựng khu dân cư xanh và sạch ở nơi tập trung dân cư; Nâng cao nhận thức công chúng, bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh và văn hóa gia đình thông qua chương trình nước sạch vệ sinh môi trường cấp nhà nước và cấp địa phương.

- Xây dựng và thực hiện chương trình và kế hoạch hành động kiểm soát y tế trong các khu vực có nguy cơ dịch bệnh nhằm đưa ra kịp thời các giải pháp ứng phó và ngăn chặn kịp thời dịch bệnh lây lan.

- Quy hoạch đô thị cần phải tránh hiệu ứng “đảo nhiệt” trong các thành phố bằng cách phân tán các công trình xây dựng, thay các đô thị tập trung bằng tăng các đô thị vệ tinh.

- Tăng cường năng lực cho các cơ sở y tế xã, phường thuộc các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

- Phát triển và tăng cường năng lực dự báo và cảnh báo về khả năng bùng phát và lan truyền nhiều loại dịch bệnh, ô nhiễm không khí.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phổ biến thông tin về BĐKH và dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập hệ thống theo dõi và kiểm kê thường xuyên diễn biến của dịch bệnh của tỉnh. Trên cơ sở đó, tạo cơ sở dữ liệu nhằm đánh giá và phát hiện kịp thời những biến động của sức khỏe cộng đồng.

- Truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho cán bộ công chức trong ngành Y tế.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao khả năng ứng phó với những hậu quả do BĐKH gây ra, tăng cường khả năng đáp ứng nhanh.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai thảm họa do BĐKH. Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc thông suốt đảm bảo liên tục trong các thời điểm, thời gian xảy ra thiên tai, thảm họa thiên nhiên để kịp thời phản ứng nhanh.

III. Nguồn lực thực hiện Chương trình

- Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010-2015 là 49 tỷ đồng, trong đó:

+ Nhiệm vụ “Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình” được nguồn vốn trung ương hỗ trợ với tổng kinh phí thực hiện 1 tỷ đồng (đã hoàn thành).

+ Nhiệm vụ “Trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán, bảo vệ dân cư các xã huyện Lạc Sơn” với tổng kinh phí thực hiện 377 tỷ đồng, trong đó: 320 tỷ đồng vốn thuộc chương trình SP-RCC, 57 tỷ đồng vốn đối ứng địa phương. Năm 2015, tỉnh Hòa Bình đã được trung ương hỗ trợ 48 tỷ đồng để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Chi tiết kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015 (tại phụ lục 1 kèm theo).

IV. Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Chương trình và nguyên nhân

1. Những mặt đã làm được

Đã ban hành kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật chỉ đạo việc triển khai thực hiện công tác bảo vệ tài nguyên môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; luôn bám sát vào các chủ trương, giải pháp của Đảng và các chính sách, pháp luật của Nhà nước, cụ thể: đã triển khai thực hiện “Xây dựng kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình”, đề xuất với Bộ Tài nguyên và Môi trường các Chương trình, dự án nhằm ứng phó với BĐKH của địa phương, ban hành văn bản về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình và các văn bản hướng dẫn các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong tỉnh về thực hiện nhiệm vụ ứng phó với BĐKH.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Hầu hết các nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt là những nhiệm vụ lớn, kinh phí nhiều, nguồn vốn ngân sách của địa phương không đủ để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án. Do đó, các nhiệm vụ triển khai còn rất chậm chưa theo tiến độ kế hoạch.

- Nguồn vốn Chính phủ cấp để triển khai thực hiện dự án “Trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán, bảo vệ dân cư các xã huyện Lạc Sơn” còn chậm, năm 2015 mới cấp 48 tỷ đồng trên tổng số 320 tỷ đồng để thực hiện dự án. Vốn đối ứng của địa phương để thực hiện dự án cũng chưa bố trí được, do nguồn ngân sách của địa phương còn nhiều khó khăn.

V. Đề xuất, kiến nghị

- Chỉ đạo thường xuyên trong việc triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án ứng phó với BĐKH trong Kế hoạch đã được phê duyệt;

- Đề nghị hỗ trợ về nguồn kinh phí để tỉnh Hòa Bình triển khai thực hiện các chương trình, dự án ứng phó với BĐKH đã được phê duyệt giai đoạn 2010-

2015, và các dự án cấp bách triển khai thực hiện theo Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình báo cáo Bộ Tài nguyên và môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Chương trình MTQG ứng phó BĐKH (Số 10, Tôn Thất Thuyết, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTN. (K16).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN CTMTQG ỨNG PHÓ VỚI
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2010 – 2015**

(Kèm theo Báo cáo số **269**/BC-UBND ngày **30**/10/2015 của UBND tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Danh mục nhiệm vụ	Kinh phí được phê duyệt	Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010-2015	Tổng kinh phí thực hiện						
				Tổng cộng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình	1 tỷ đồng Nguồn Vốn trung ương	01	01						
2	Trồng rừng, bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống lũ, sạt lở đất, hạn hán, bảo vệ dân cư các xã huyện Lạc Sơn	377 tỷ đồng (trong đó: 320 tỷ đồng vốn thuộc chương trình SP-RCC, 57 tỷ đồng vốn đối ứng địa phương)	48 (ngân sách trung ương)							48
3	Nâng cấp đê bao kết hợp đường giao thông đoạn từ cầu Chi Nè, xã Khoan Dụ, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình đi xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	280 tỷ đồng (trong đó: 238 tỷ đồng ngân sách trung ương, 42 tỷ đồng vốn địa phương)	Chưa được giao							
4	Xây dựng Trung tâm quan trắc, cảnh báo và giám sát khí tượng thủy văn và môi trường tỉnh Hòa Bình trong điều kiện BDKH	100 tỷ đồng Nguồn vốn trung ương	Chưa được giao							

